

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHƯỚC LONG  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22/3/2018

*V/v ly hôn, nuôi con chung  
và chia tài sản chung*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Lâm***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**Bà Lê Ái Nguyên**

**Bà Ngô Thị Như Ý**

***Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chi*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan*** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ L số: 234/2017/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2017 về việc việc ***“Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và chia tài sản chung”*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 2 năm 2018 giữa:

- ***Nguyên đơn: Chị Lương Hồng G*** – sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L*** – sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- ***Anh Lương Văn S*** – sinh năm 1983

- ***Chị Lý Thị N*** - sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lý Thị N là anh Lương Văn S theo văn bản ủy quyền ngày 12/12/2017.

- ***Chị Nguyễn Thị B*** – sinh năm 1981

Địa chỉ: ấp H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

***Chị G, anh L, anh S có mặt. Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lương Hồng G trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* chị G và anh L có tổ chức đám cưới và sống chung với nhau từ ngày 08-09 tháng 12 năm 2003 âm lịch nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị G và anh L đã ly thân hơn 01 năm nay. Nay chị G yêu cầu ly hôn với anh L.

*Về con chung:* chị G và anh L có 02 con chung là cháu Nguyễn Gian N - sinh ngày xx/xx/2004 và cháu Nguyễn Thị Trà M - sinh ngày yy/yy/2010, hiện hai cháu đang sống cùng anh L. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được nuôi con chung là Nguyễn Thị Trà M - sinh ngày yy/yy/2010, đồng ý để anh L tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Gian N - sinh ngày xx/xx/2004. Chị G và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* chị G xác định chị G và anh L đã thỏa thuận về tài sản chung, chị G được nhận 60.000.000đ, còn tài sản khác thì để anh L được hưởng. Khi khởi kiện chị G yêu cầu anh L trả 60.000.000đ. Yêu cầu được nhận 01 phần hui đang tham gia của chị Nguyễn Thị B làm chủ hui, loại hui tháng, hui 2.000.000đ, hui mở lần đầu vào ngày 24/10/2016 âm lịch, đã đóng hui sống được 13 kỳ, chưa hốt hui. Yêu cầu anh L chia đôi số nợ 08 chỉ vàng 24k nợ anh Lương Văn S.

Đến ngày 17/01/2018, chị G có đơn yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: về con chung chị G đồng ý để anh L nuôi cả hai con chung và chị G không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung chị G chỉ yêu cầu anh L trả 40.000.000đ. Chị G không yêu cầu đòi với 01 phần hui của chị B làm chủ vì các bên đã thỏa thuận được với nhau. Chị G không yêu cầu đòi với 08 chỉ vàng 24k nữa, các bên đã thỏa thuận được việc trả nợ.

**Bị đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:**

*Về quan hệ hôn nhân:* anh L thống nhất lời trình bày của chị G về thời điểm sống chung và ngày ly thân, thống nhất không có đăng ký kết hôn. Do cuộc sống chung tồn tại nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh L đồng ý ly hôn với chị G.

*Về con chung:* thống nhất có 02 con chung như chị G trình bày. Về con chung anh L thống nhất với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị G về việc anh L nuôi cả hai con chung. Anh L đảm bảo điều kiện nuôi con nên không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* anh L thống nhất với yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị G. Anh L đồng ý trả cho chị G 40.000.000đ. Đối với việc chị G rút yêu cầu 01 phần hui do chị Nguyễn Thị B làm chủ thì anh L đồng ý, không có yêu cầu gì. Chị G rút yêu cầu 08 chỉ vàng 24k thiếu anh Lương Văn S thì anh L cũng đồng ý, không có yêu cầu thêm.

Anh L không có yêu cầu phản tố.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn S và là người đại diện theo ủy quyền của chị Lý Thị N trình bày:** Anh S và vợ là chị Lý Thị N có cho anh L, chị G mượn 08 chỉ vàng 24k. Ngày 04/12/2017 anh S có đơn yêu

cầu anh L, chị G trả 08 chỉ vàng 24k nhưng đến ngày 17/01/2018 anh S rút yêu cầu, không yêu cầu chị G, anh L trả 08 chỉ vàng 24k nữa, các bên tự thỏa thuận với nhau.

Chị G rút yêu cầu chia nợ đối với 08 chỉ vàng 24k thì anh đồng ý và không có ý kiến.

**Người liên quan chị Nguyễn Thị B trình bày:** Hiện tại, chị G đang tham gia hội của chị tại đây hội như chị G trình bày, các bên không có tranh chấp. Việc chị G rút yêu cầu đối với 01 phần hội đang tham gia của chị B thì chị B đồng ý. Các bên tự thỏa thuận, không có tranh chấp, chị B không có yêu cầu nào khác.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: chị G và anh L tự nguyện sống chung nhưng không có đăng ký kết hôn; nay chị G và anh L đồng ý ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận G và anh L là vợ chồng. Chị G và anh L đã thống nhất với nhau về con chung: Khi ly hôn, anh L được tiếp tục nuôi 02 con chung là Nguyễn Gian N - sinh ngày xx/xx/2004 và cháu Nguyễn Thị Trà M - sinh ngày yy/yy/2010, chị G không cấp dưỡng nuôi con. Đây là thỏa thuận của đương sự, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên đề nghị chấp nhận. Đối với tài sản, khi khởi kiện chị G yêu cầu anh L trả 60.000.000đ. Yêu cầu được nhận 01 phần hội đang tham gia của chị Nguyễn Thị B. Yêu cầu anh L chia đôi số nợ 08 chỉ vàng 24k nợ anh Lương Văn S. Ngày 17/01/2018, chị G rút yêu cầu về phần tài sản đối với 01 phần hội đang tham gia của chị Nguyễn Thị B và rút yêu cầu anh L chia đôi số nợ 08 chỉ vàng 24k nợ anh Lương Văn S xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên đình chỉ giải quyết. Chị G và anh L thống nhất anh L trả cho chị G 40.000.000đ, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên đề nghị chấp nhận.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị G yêu cầu ly hôn và anh L có địa chỉ thường trú tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B có yêu cầu xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy, chị G và anh L tự nguyện sống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Do đó, hôn nhân giữa chị G và anh L là không hợp pháp, không được pháp luật công nhận và bảo

vệ. Chị G và anh L đồng ý ly hôn, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 không công nhận chị G và anh L là vợ chồng, hậu quả của việc chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 là *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*.

[3] Về con chung: chị G và anh L thống nhất sau khi ly hôn anh L được tiếp tục nuôi 02 con chung là Nguyễn Gian N - sinh ngày xx/xx/2004 và cháu Nguyễn Thị Trà M - sinh ngày yy/yy/2010, anh L đảm bảo điều kiện nuôi con nên không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hai con chung hiện đang sống cùng anh L, cuộc sống của các cháu ổn định, các cháu phát triển bình thường, các cháu có nguyện vọng sống cùng anh L. Do đó, có căn cứ chấp nhận và ghi nhận sự thỏa thuận của chị G và anh L về con chung. Chị G có quyền và nghĩa vụ quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung:

Khi khởi kiện, chị G yêu cầu anh L trả 60.000.000đ, yêu cầu được nhận 01 phần hui đang tham gia của chị Nguyễn Thị B, loại hui tháng, hui 2.000.000đ, mở lần đầu vào ngày 24/10/2016 âm lịch, đã đóng hui sống được 13 kỳ, chưa hốt hui. Yêu cầu anh L chia đôi số nợ 08 chỉ vàng 24k nợ anh Lương Văn S. Đến ngày 17/01/2018, chị G có đơn yêu cầu xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: chị G chỉ yêu cầu anh L trả 40.000.000đ. Chị G không yêu cầu đối với 01 phần hui của chị B, không yêu cầu anh L chia đôi 08 chỉ vàng 24k thiếu anh S nữa. Tại phiên tòa, anh L thống nhất với yêu cầu của chị G, thống nhất trả cho chị G 40.000.000đ, thống nhất việc chị G rút yêu cầu đối với 01 phần hui đang tham gia của chị B, thống nhất việc chị G không yêu cầu chia đôi nợ 08 chỉ vàng 24k, không có yêu cầu phản tố. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn S và chị Nguyễn Thị B cùng thống nhất việc chị G rút yêu cầu và không có yêu cầu độc lập. Việc chị G rút yêu cầu về phần tài sản đối với 01 phần hui đang tham gia của chị Nguyễn Thị B, rút yêu cầu anh L chia đôi số nợ 08 chỉ vàng 24k nợ anh Lương Văn S, rút yêu cầu anh L trả số tiền 20.000.000đ, xét thấy việc rút yêu cầu là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận và đình chỉ xét xử. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Anh L tự nguyện, đồng ý trả cho chị G số tiền 40.000.000đ, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên được chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị G phải nộp 300.000đ, chị G đã dự nộp 3.240.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010362 ngày 08/11/2017 nên được đối trừ; chị G được hoàn nhận lại 2.940.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Buộc anh L phải chịu án phí 2.000.000đ.

Các đương sự khác không phải nộp án phí.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 14, Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Lương Hồng G và anh Nguyễn Văn L là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị G và anh L là sau khi ly hôn anh L được tiếp tục nuôi 02 con chung là Nguyễn Gian N - sinh ngày xx/xx/2004 và cháu Nguyễn Thị Trà M - sinh ngày yy/yy/2010, anh L đảm bảo điều kiện nuôi con nên không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Chị G có quyền và nghĩa vụ quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

#### 3. Về tài sản chung:

Đình chỉ xét xử do chị G rút yêu cầu khởi kiện đối với 01 phần hui do chị Nguyễn Thị B làm chủ hui, hui mở lần đầu vào ngày 24/10/2016 âm lịch, loại 2.000.000đ, một tháng mở hui một lần.

Đình chỉ xét xử do chị G rút yêu cầu giải quyết về 08 chỉ vàng 24k nợ anh Lương Văn S và chị Lý Thị N.

Đình chỉ xét xử do chị G rút yêu cầu về việc đòi anh L trả số tiền 20.000.000đ.

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ghi nhận việc anh L tự nguyện, đồng ý trả cho chị G 40.000.000đ; buộc anh Nguyễn Văn L trả cho chị G số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình chị G phải nộp 300.000đ, chị G đã dự nộp 3.240.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010362 ngày 08/11/2017 nên được đối trừ; chị G được hoàn nhận lại 2.940.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Án phí dân sự sơ thẩm buộc anh L phải chịu 2.000.000đ.

Các đương sự khác không phải nộp án phí.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có L do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Lư Trường Lâm**